

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2021/HSST**

Ngày: 14 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Doãn Đức.

Ông Huỳnh Thế Cần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phố B, tỉnh Đồng Nai: Ông Hà Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 730 /2020/HSST ngày 09 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 754/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/HSST-QĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo: **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1991, tại Hà Tĩnh (có mặt); Nơi cư trú: xã Kỳ Tây, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1963; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1988 (đã ly hôn năm 2017), có 03 con sinh năm 2009, sinh năm 2013 và sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 24/6/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số: 831/CSĐT-HS ngày 01/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02 năm 2019, Nguyễn Thị Y kinh doanh quán cà phê 9999 tại 176,

đường Phạm Văn Diêu, khu phố 4, phường Tân Hạnh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Từ khoảng tháng 5 năm 2020, để có thêm thu nhập, Yên sử dụng địa điểm này để kiếm tiền thông qua việc chứa chấp tiếp viên kích dục, bán dâm và Yên trực tiếp bán dâm cho khách có nhu cầu. Để thực hiện hành vi mua bán dâm tại quán, Yên bố trí 02 phòng phía sau tại quán cà phê làm nơi bán dâm.

Yên thu nhận tiếp viên Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1987, ngụ tại thôn Phú Thọ, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình vào kích dục và bán dâm tại quán với thỏa thuận: Giá mỗi lần kích dục là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), Ngọc phải đưa lại cho Yên 70.000đồng (Bảy mươi nghìn đồng). Giá mỗi lần bán dâm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), mỗi lần bán dâm Ngọc phải đưa lại cho Yên 100.000đồng (Một trăm nghìn đồng).

Từ khoảng tháng 5 năm 2020 đến ngày 24/6/2020, tại quán cà phê do Yên làm chủ nêu trên, Ngọc đã 20 (hai mươi) lần bán dâm cho khách nam (không rõ lai lịch, địa chỉ). Ngọc đã đưa cho Yên số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 24/6/2020, tại 02 phòng của quán cà phê của Yên, trong lúc Ngọc đang bán dâm cho Nguyễn Hải Đảo, sinh năm 1981, ngụ tại khu phố 2, phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và Yên đang bán dâm cho Ngô Thành Trung, sinh năm 1973, ngụ tại 249, khu phố 2, phường Quang Vinh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai với giá thỏa thuận là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng)/lần thì bị Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai kiểm tra phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Y khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tang vật thu giữ:

- 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) là tiền Yên và Ngọc bán dâm.
- 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng.

Tại bản cáo trạng số: 706/CT-VKSBH ngày 20/11/2020 Viện kiểm sát nhân thành phố B, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Thị Y về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng.
- Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước: 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền mua bán dâm.
- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Y nộp lại 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y từ 06 (sáu) năm tù đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 5 năm 2020 đến ngày 24/6/2020, tại quán cà phê 9999 tại 176, đường Phạm Văn Diêu, khu phố 4, phường Tân Hạnh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do bị cáo Nguyễn Thị Y làm chủ, bị cáo Yên đã chứa chấp, đồng ý cho Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1987 bán dâm cho khách mua dâm tại quán 21 (Hai mươi một) lần. Bị cáo Yên đã thu lợi bất chính từ việc chứa mại dâm 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống tinh thần của cộng đồng, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nhưng vì tư lợi cá nhân mà vi phạm pháp luật. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có hoàn cảnh khó khăn (đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Kỳ Tây, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh ngày 30/6/2020), bị cáo đã ly hôn năm 2017 hiện nuôi con nhỏ sinh năm 2009, sinh năm 2013 và sinh năm 2015 quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền

mua bán dâm. (Theo biên lai thu tiền số 03093 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Y nộp lại 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Đối với hành vi bán dâm của bị cáo Yên và hành vi kích dục, bán dâm của Nguyễn Thị Ngọc, hành vi mua dâm của Ngô Thành Trung và Nguyễn Hải Đảo, Công an thành phố B đã xử phạt hành chính.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Y phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền mua bán dâm. (Theo biên lai thu tiền số 03093 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Y nộp lại 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- THA Dân sự (1);
- Nhà tạm giữ Công an TP. B (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Lưu (5).

Trần Thị Kim Dung

